TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 –AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2025
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Cúc
2. Ông Trương Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên Tòa***: Ông Đoàn Thanh Nhã là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 405/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc *''Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 217/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1997 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp 1, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến thể hiện có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu quen biết trước và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận kết hôn. Quá trình về chung sống với nhau, giữa chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa hợp được, giữa vợ

chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, làm cho hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Anh Đ còn có người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị cũng đã lựa lời khuyên nhưng anh Đ không sửa đổi. Vì vậy, chị và anh Đ đã ly thân nhau và không thể nào hàn gắn được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn anh Đ. Quá trình chung sống, chị và anh Đ có hai con chung tên: Nguyễn Ngọc Thảo Vy, sinh ngày 21/5/2018 và Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 10/10/2021, Hiện hai con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị G và vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm G khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Đ nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn Đ với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã T nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang

Chị Nguyễn Thị Cẩm G có đơn xin vắng mặt, riêng anh Nguyễn Văn Đ đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh Đ nhưng không thực hiện được do anh Đ không có mặt tại nhà không biết khi nào trở về nhưng cha ruột của anh Đ là ông Nguyễn Văn Đức đã nhận thay và cam kết giao lại cho anh Đ. Do đó, anh Đ biết rõ việc chị G khởi kiện ly hôn tại Tòa nhưng anh vắng mặt qua các lần mời của Tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 –An Giang căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị G và anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu quen biết và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ) nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị G và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, được chị G xác định qua ý kiến trình bày trong bản khai. Chị G cho rằng cũng đã cho nhau cơ hội để sửa đổi và lựa lời khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi. Anh Đ không có ý kiến phản đối gì với trình bày của chị G và cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này được thể hiện qua các lần mời

của Toà mục đích để hoà giải nhằm hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng anh Đ vắng không rõ lý do. Vì vậy, việc xác định nêu trên của chị G có đủ căn cứ để chứng minh rằng mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững giữa chị và anh Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên chị G yêu cầu ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị G xác định chị và anh Đ có hai con chung tên: Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 21/5/2018 và Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 10/10/2021. Hiện hai con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không có ý kiến gì về con của chị G, xét thấy tại giấy khai sinh của hai cháu V và A thể hiện cha mẹ của các cháu là chị G và anh Đ nên có cơ sở để khẳng định các con Nguyễn Ngọc Thảo Vy, sinh ngày 21/5/2018 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/10/2021 là con chung của anh Đ và chị G. Chị G yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, xét thấy kể từ ngày ly thân đến nay các con sống với chị G, các cháu vẫn phát triển bình thường, anh Đ không có ý kiến phản đối gì về việc chị G nuôi con không tốt nên áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao các con Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 21/5/2018 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/10/2021 là con chung của chị G và anh Đ cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét. Khi nào có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác. Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 53 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 –An Giang). Chị G đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều

228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao hai con chung của chị G và anh Đ: Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 21/5/2018 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/10/2021, cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu. Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); buộc chị Nguyễn Thị Cẩm G phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 53 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang). Chị G đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tống Đ hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND KV 5-AG
- Phòng THADSKV5 -AG;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP,

Nguyễn Thị Cẩm Hương